TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **14**/2018/HSST
Ngày 09-02-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ - TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hùng
Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Thìn
Ông Vũ Trung Thành

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thị Tý, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Tạ Văn Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 09/02/2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện ĐP, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 67/2017/HSST ngày 30/11/2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/HSST-QĐ ngày 11/01/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2018/HSST-QĐ ngày 25/01/2018 đối với các bị cáo:

1. **Thái Ngọc D**, sinh năm 1995, tại Bình Phước; Nghề nghiệp: Không; HKTT: ấp 4, xã ĐT, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước; chỗ ở hiện nay: ấp 4, xã ĐT, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Thái Xuân M, sinh năm 1970 và bà Đào Thị H, sinh năm 1971; tiền án, tiền sự: Không, nhân thân: Ngày 26/8/2016, bị Tòa án nhân dân thị xã ĐX xử phạt 05 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản"; ngày 29/9/2016, bị Tòa án nhân dân huyện BĐ xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản"; bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam An Phước, có mặt tại phiên tòa.

2. **Dương Thị Như H** (tên gọi khác: Vy), sinh năm 1994, tại Bình Phước; Nghề nghiệp: Công nhân; HKTT: ấp 1, xã TT, thị xã ĐX, tỉnh Bình Phước; chỗ ở hiện nay: ấp Bưng C, xã TT, thị xã ĐX, tỉnh Bình Phước; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Tày; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Dương Đức T, sinh năm 1974 và bà Hoàng Thị T, sinh năm 1972; có chồng tên Nông Văn T (đã ly hôn); có 01 con ruột sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không, nhân thân: Ngày 26/8/2016, bị Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài xử phạt 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 4 năm về tội "Trộm cắp tài sản"; bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 14/9/2017 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. **Đào Thanh T**, (Tý) sinh ngày 02/02/1999, tại Bình Phước; Nghề nghiệp: Làm rẫy; HKTT: ấp 4, xã ĐT, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước; Chỗ ở hiện nay: ấp 4, xã ĐT, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Đào O, sinh năm 1975 và bà Lê Thị

B, sinh năm 1973; tiền án: Ngày 31/8/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng về tội "Cưỡng đoạt tài sản"; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 26/8/2016, bị Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài xử phạt 4 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", tổng hợp hình phạt với bản án số 65 ngày 31/8/2015 thành hình phạt chung là 5 năm 6 tháng tù, ngày 29/9/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng xử phạt 3 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", tổng hợp với bản án số 101 ngày 26/8/2016 thành hình phạt chung là 8 năm 6 tháng tù, ngày 07/12/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng xử phạt 6 năm tù về tội "Cướp tài sản", tổng hợp hình phạt với bản án số 109 ngày 29/9/2016 thành hình phạt chung là 14 năm 6 tháng tù; bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Đăk Plao, có mặt tại phiên tòa.

4. **Nông Thị L** (tên gọi khác: Nông Thị Thùy L), sinh năm 1994, tại Bình Phước; Nghề nghiệp: không; HKTT: ấp 6, xã TT, thị xã ĐX, tỉnh Bình Phước Chỗ ở hiện nay: ấp 6, xã TT, thị xã ĐX, tỉnh Bình Phước; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Nùng; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nông Sỹ D, sinh năm 1961 và bà Ngọc Thị P, sinh năm 1962; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 03/10/2017 cho đến ngày 26/10/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn từ tạm giam sang cho gia đình bảo lĩnh, có mặt tại phiên tòa.

5. **Trịnh Đức P**, sinh năm 1993, tại Bình Phước; Nghề nghiệp: Làm rẫy; HKTT: ấp 8, xã TT, thị xã ĐX, tỉnh Bình Phước; Chỗ ở hiện nay: ấp 8, xã TT, thị xã ĐX, tỉnh Bình Phước; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Trịnh Đức T, sinh năm 1960 và bà Lê Thị L; có vợ là Lê Thị Ánh V, sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 26/8/2016 bị Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài xử phạt 1 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 2 năm về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 29/9/2017 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Trần Thị H, sinh năm 1975 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp 4, xã PB, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1983 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp 1, xã TT, thị xã ĐX, tỉnh Bình Phước

Ngô Văn D, sinh năm 1990 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp 6, xã TH, thị xã ĐX, tỉnh Bình Phước.

Nông Văn V, sinh năm 1982 (có mặt)
Địa chỉ: ấp 4, xã ĐT, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước

Người có quyền lợi , nghĩa vụ liên quan:

Thái Xuân M, sinh năm 1970 (có mặt)
Địa chỉ: ấp 4, xã ĐT, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước

Trần Văn T, sinh năm 1978 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp 3, xã Tiến Hưng, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Lê Văn V, sinh năm 1984 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp 1, xã ĐT, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước

Đào Thị H, sinh năm 1971 (có mặt)
Địa chỉ: ấp 1, xã NT, huyện BĐ, tỉnh Bình Phước.

Phan Văn N, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: ấp 4, xã MT, huyện CT, tỉnh Bình Phước.

Hoàng Đình K, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 2, xã ML, huyện CT, tỉnh Bình Phước.

Người bào chữa cho bị cáo Dương Thị Như H: Luật sư Nguyễn Duy B - Văn phòng luật sư Duy - Trinh thuộc Đoàn luật sư TP. Hồ Chí Minh. (có mặt)

Địa chỉ: 67B đường 11, Kp 9, P. Trường Thọ, Q. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Thái Ngọc D, Dương Thị Như H, Đào Thanh T , Nông Thị L, Trịnh Đức P bị Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐP, tỉnh Bình Phước truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Từ ngày 03/7/2015 đến đầu tháng 11/2015, Thái Ngọc D, Dương Thị Như H, Đào Thanh T , Nông Thị L, Trịnh Đức P đã thực hiện các vụ án trên địa bàn huyện ĐP, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Ông Thái Xuân M (bố ruột của Thái Ngọc D) có bạn gái là Trần Thị H. Bà H có chiếc xe mô tô hiệu Vision màu trắng, biển kiểm soát 68D1-090.64 thường xuyên đến chơi và ở lại nhà ông M nên D nảy sinh ý định trộm cắp đem bán lấy tiền tiêu xài. D bàn với Dương Thị Như H về ý định lấy trộm thì được H đồng ý. Ngày 03/7/2015, biết bà H cùng với bố mình đi du lịch tại tỉnh Kiên Giang, có để chiếc xe trên ở nhà nên D dùng đoản phá ổ khóa điện trên xe của bà H, đồng thời gọi điện thoại cho H lên nhà điều khiển chiếc xe trên về phòng trọ của H ở khu phố BK, thị trấn TP, huyện ĐP. Khoảng 02 ngày sau, D đem xe đến phường TB, thị xã ĐX, tỉnh Bình Phước nói cho Nông Thị L biết chiếc xe do D lấy trộm của dì D và nhờ L cất giữ thì L đồng ý, D bàn bạc với L gọi điện thoại cho ông M đến để chuộc chiếc xe trên lấy tiền cùng nhau tiêu xài thì L đồng ý. Bàn bạc xong, D gọi điện thoại thông báo cho ông M biết xe của bà H bị mất trộm, hiện đang do L cất giữ và cần tiền chuộc xe là 16.000.000 đồng. Sau đó D chở ông M đem theo tiền đến đưa cho L và chuộc chiếc xe trên.

Theo Bản kết luật định giá tài sản số 45 ngày 09/5/2016, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện ĐP, kết luận: Tại thời điểm bị chiếm đoạt chiếc xe mô tô hiệu Vision, biển kiểm soát 68D1-090.64 có giá trị là 15.500.000 đồng (bút lục 148).

Vụ thứ hai: Do biết Ngô Văn D là bạn của H có chiếc xe mô tô hiệu Exciter biển kiểm soát 93G1-068.43 nên D bàn với H trộm xe của D đem bán lấy tiền tiêu xài thì được H đồng ý. Khoảng 14 giờ 00 ngày 22/7/2015, sau khi đi dự đám cưới, D chở H về nhà D tại ấp 4, xã ĐT, huyện ĐP. Như đã bàn với D từ trước, H gọi điện thoại cho D kêu D lên nhà D để chở H về nhà trọ ở khu phố BK, thị trấn TP; còn D trốn ở bên ngoài đợi cơ hội sẽ lấy trộm xe. Sau khi nghe H gọi, D điều khiển chiếc xe mô tô hiệu Exciter biển kiểm soát 93G1-068.43 đến dựng trước sân nhà D, đi bộ vào bên trong nhà nói chuyện với H. Khi thấy D vào trong nhà, D liền dùng đoản phá ổ khóa điện, dắt xe ra đường, nổ máy chạy đến xã TH, thị xã ĐX bán cho

Lê Văn T được 9.500.000 đồng. Riêng D, khi phát hiện xe bị mất đã đến Công an xã ĐT trình báo.

Theo Bản kết luật định giá tài sản số 46 ngày 09/5/2016, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện ĐP, kết luận: Tại thời điểm bị chiếm đoạt chiếc xe mô tô hiệu Exciter, biển kiểm soát 93G1-068.43 có giá trị là 26.600.000 đồng (bút lục 150).

Vụ thứ ba: Khoảng 13 giờ 00 ngày 19/10/2015, Thái Ngọc D và Đào Thanh T bàn bạc với nhau đi trộm cắp xe mô tô để bán lấy tiền tiêu xài. Sau khi bàn bạc xong, D mang theo 01 đoản phá khóa và điều khiển xe mô tô hiệu Exciter, biển kiểm soát 59Y1-183.16 chở Tuấn đến khu vực trường Tiểu học ĐT A, xã ĐT, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước. D phát hiện chiếc xe mô tô hiệu Ware alpha, biển kiểm soát 93M1-113.36 của anh Nông Văn V để ở khu vực sân trường; gần nhà để xe không có người trông coi nên D dừng xe, T ngồi trên xe mô tô biển kiểm soát 59Y1-183.16 để cảnh giới. D đi vào dùng đoản sắt phá ổ khóa điện, điều khiển chiếc xe mô tô biển kiểm soát 93M1-113.36, T điều khiển xe mô tô của D cùng chạy về phòng trọ của Dương Thị Như H (bạn gái của D) tại khu phố BK, thị trấn TP, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước cất giấu. Sau đó T, D đem bán cho Trịnh Đức P với giá 3.800.000 đồng chia nhau tiêu xài. Sau khi mua xe, do sợ bị phát hiện mình tiêu thụ xe phạm pháp nên P bán lại cho một người tên L (không rõ lai lịch) được 5.000.000 đồng. Còn anh Nông Văn V, sau khi bị mất xe đã đến Công an xã ĐT trình báo sự việc.

Theo Bản kết luật định giá tài sản số 47 ngày 12/5/2016, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện ĐP, kết luận: Tại thời điểm bị chiếm đoạt chiếc xe mô tô biển kiểm soát 93M1-113.16 có giá trị là 13.300.000 đồng (bút lục 146).

Vụ thứ tư: Đầu tháng 11/2015, Đào Thanh T đi bộ từ phòng trọ của Dương Thị Như H ở khu phố BK, thị trấn TP, huyện ĐP, ra chợ khu công nghiệp Bắc Đồng Phú. T phát hiện xe mô tô biển kiểm soát 93B1-122.41 của chị Nguyễn Thị Ngọc T để bên lề đường không có người trong coi nên T nảy sinh ý định trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. T dùng đoản phá khóa bằng kim loại đem theo bẻ ổ khóa điện rồi nổ máy điều khiển về nhà Thái Ngọc D tại ấp 4, xã ĐT, huyện ĐP. T nói cho D biết mới lấy trộm được chiếc xe trên và nhờ D đem đi bán lấy tiền chia nhau tiêu xài thì D đồng ý. D đem xuống khu vực Cổng Xanh thuộc tỉnh Bình Dương bán cho một người (không rõ lai lịch) được 4.500.000 đồng. Riêng chị Thuận, sau khi phát hiện xe mô tô của mình bị mất đã đến Công an thị trấn TP trình báo sự việc (các bút lục từ 211 đến 328).

Theo kết luận định giá tài sản số 13 ngày 18/02/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện ĐP, kết luận: Tại thời điểm bị chiếm đoạt chiếc xe mô tô biển kiểm soát 93B1-122.41 có giá trị là 16.100.000 đồng (bút lục 152).

Tại bản cáo trạng số 57/CTr -VKS ngày 27/11/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐP, tỉnh Bình Phước đã truy tố:

Thái Ngọc D về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm e, khoản 2, Điều 138 Bộ luật hình sự và tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Dương Thị Như H và Đào Thanh T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Nông Thị L về tội "Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Trịnh Đức P về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện ĐP, tỉnh Bình Phước thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

Tuyên bố bị cáo Thái Ngọc D phạm tội "Trộm cắp tài sản" và "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"

Tuyên bố bị cáo Dương Thị Như H , Đào Thanh T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Tuyên bố bị cáo Nông Thị L phạm tội "Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Tuyên bố bị cáo Trịnh Đức P phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138, khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 50, 55, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tuyên phạt bị cáo Thái Ngọc D từ 3 năm đến 3 năm 6 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và từ 1 năm đến 1 năm 3 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Tổng hợp hình phạt theo quy định của pháp luật.

Áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, Điều 91, 98 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tuyên phạt bị cáo Đào Thanh T từ 1 năm 3 tháng đến 1 năm 6 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Tổng hợp hình phạt theo quy định của pháp luật.

Áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm h, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tuyên phạt bị cáo Dương Thị Như H từ 1 năm 3 tháng đến 1 năm 6 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tuyên phạt bị cáo Trịnh Đức Ph từ 1 năm đến 1 năm 3 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Áp dụng khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 36, Điều 50, Điều 58, Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tuyên phạt bị cáo Nông Thị L từ 1 năm đến 1 năm 3 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"; miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị:

Đối với: 01 thanh kim loại tròn, hình chữ L, dài 15,5cm; 03 thanh kim loại dài 7,1cm, một đầu có hình lục giác, một đầu dẹp; 01 thanh kim loại dài 7,7cm, một đầu có hình lục giác, một đầu dẹp; 01 đầu tuýp lục giác dài 08mm các bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội không có giá trị sử dụng đề nghị tịch thu tiêu hủy; tịch thu nộp ngân sách Nhà nước đối với số tiền 1.200.000 đồng gia đình bị cáo Trịnh Đức P nộp là tiền thu lợi bất chính từ việc bị cáo P bán xe mô tô biển kiểm soát 93M1-113.36 của Nông Văn V mà có.

Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 59Y1-183.16; Cơ quan công an đã tách ra xác minh xử lý sau nên không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo T và bị cáo D bồi thường giá trị xe bị mất do không thu hồi được cho bị hại Nông Văn V số tiền 14.000.000 đồng. Tách các yêu cầu của các bị hại: Trần Thị H ; Ngô Văn D ; Nguyễn Thị Ngọc T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn T, Phan Văn N, Hoàng Đình K, Lê Văn V để giải quyết bằng vụ án dân sự khi có đơn yêu cầu.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Tại phiên toà, bị cáo Thái Ngọc D, Dương Thị Như H, Đào Thanh T , Nông Thị L, Trịnh Đức P khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình:

Xét lời khai nhận của bị cáo Thái Ngọc D, Dương Thị Như H, Đào Thanh T , Nông Thị L, Trịnh Đức P tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm xảy ra vụ án cùng các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Do muốn có tiền để tiêu xài nên từ ngày 03/7/2015 đến đầu tháng 11/2015, Thái Ngọc D đã 03 lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là xe mô tô biển kiểm soát 68D1-090.64 của Trần Thị H , xe mô tô biển kiểm soát 93G1-068.43 của Ngô Văn D và xe mô tô biển kiểm soát 93M1-113.36 của Nông Văn V tại huyện ĐP, tỉnh Bình Phước. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 58.200.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo còn thực hiện việc tiêu thụ chiếc xe mô tô biển kiểm soát 93B1-122.41 do Đào Thanh T phạm tội mà có vào đầu tháng 11/2015. Như vậy, hành vi

mà bị cáo Thái Ngọc D thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự và tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. Do bị cáo D 03 lần thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản mà mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản nên bị cáo còn phải chịu tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Dương Thị Như H đã 02 lần cùng Thái Ngọc D thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là xe mô tô biển kiểm soát 68D1-090.64 của Trần Thị H, xe mô tô biển kiểm soát 93G1-068.43 của Ngô Văn D tại xã ĐT, huyện ĐP. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 42.100.000 đồng.

Đào Thanh T đã cùng Thái Ngọc D lén lút chiếm đoạt tài sản là xe mô tô biển kiểm soát 93M1-113.36 của Nông Văn V tại xã ĐT, huyện ĐP và một mình chiếm đoạt xe mô tô biển kiểm soát 93B1-122.41 của Nguyễn Thị Ngọc T tại thị trấn TP, huyện ĐP. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt 29.400.000 đồng.

Hành vi mà bị cáo Dương Thị Như H, Đào Thanh T thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Nông Thị L có hành vi không hứa hẹn trước nhưng khi biết xe mô tô biển kiểm soát 68D1-090.64 là do D phạm tội mà có nhưng Nông Thị L vẫn đồng ý cho mượn địa điểm là tiệm quần áo của mình để cất giấu, sau đó cùng với D g liên lạc để ông M chuộc xe và trực tiếp nhận tiền từ ông M. Hành vi bị cáo Nông Thị L thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội "Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Trịnh Đức P có hành vi mặc dù biết rõ chiếc xe mô tô biển kiểm soát 93M1-113.36 là do D và T phạm tội mà có nhưng vẫn đồng ý mua, bán lại cho người khác để thu lợi bất chính. Hành vi bị cáo Trịnh Đức P thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Hành vi mà các bị cáo Thái Ngọc D, Dương Thị Như H, Đào Thanh T , Nông Thị L, Trịnh Đức P đã thực hiện là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo Thái Ngọc D, Dương Thị Như H, Đào Thanh T , Nông Thị L, Trịnh Đức P thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình. Bị cáo Thái Ngọc D, Dương Thị Như H, Đào Thanh T , Nông Thị L, Trịnh Đức P ý

thức được việc trộm cắp tài sản của người khác, chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là trái pháp luật và bị pháp luật nghiêm trị nhưng các bị cáo vẫn cố tình thực hiện thể hiện sự coi thường pháp luật.

Đây là vụ án đồng phạm mang tính chất giản đơn, xét về vai trò của các bị cáo thì trong các vụ trộm cắp ngày 03/7/2015, 22/7/2015, 19/10/2015 bị cáo Thái Ngọc D là người khởi xướng, rủ các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo D g phải chịu mức hình phát cao hơn các bị cáo khác. Ngoài ra, bị cáo còn đồng phạm thực hiện việc tiêu thụ chiếc xe mô tô biển kiểm soát 93B1-122.41 do Đào Thanh T phạm tội mà có vào đầu tháng 11/2015. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 26/8/2016, bị Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài xử phạt 05 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản"; ngày 29/9/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản"; bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam An Phước. Vì vậy cần phải xử bị cáo mức án nghiêm mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa.

Bị cáo T tham gia với vai trò chủ mưu trong vụ trộm cắp tài sản tháng 11 năm 2015 và đồng phạm với bị cáo D trong vụ án ngày 19/10/2015 thuộc trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với hành vi của mình. Ngoài ra bị cáo là người có 01 tiền án nên bị cáo còn phải chịu trách nhiệm hình sự về tình tiết tăng nặng là tái phạm nguy theo quy định tại điểm điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 và có nhân thân xấu hiện đang chấp hành hình phạt 14 năm 6 tháng tù tại Trại giam Đăk Plao. Vì vậy, cần phải xử bị cáo mức án nghiêm khắc đối với bị cáo.

Bị cáo Dương Thị Như H tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức trong các vụ trộm cắp tài sản ngày 03/7/2015 và 22/7/2015 thuộc trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với hành vi của mình. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu, ngày 26/8/2016, bị Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài xử phạt 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 4 năm về tội "Trộm cắp tài sản" hiện đang chấp hành hình phạt. Nên cần phải xử phạt nghiêm đối với bị cáo.

Bị cáo Trịnh Đức P biết rỏ tài sản do phạm tội mà có nhưng vì hám lợi đã thực hiện hành vi tiêu thụ nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của mình. Bản Thân bị cáo có nhân thân xấu, ngày 26/8/2016 bị Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài xử phạt 1 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 2 năm về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Nên cần phải xử phạt nghiêm đối với bị cáo.

Bị cáo Nông Thị L biết rõ tài sản do trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý chứa chấp và cùng thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản do Dưỡng phạm tội mà có nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng đối với hành vi của bị cáo.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo D, T, H, L, P đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải thuộc trường hợp giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo L phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có cha tham gia bảo vệ tổ quốc được tặng thưởng huân chương, bị cáo L hiện nay đang mang thai là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Xét bị cáo L có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên cần áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 để xét xử đối với bị cáo. Bị cáo P sau khi phạm tội đã tác động gia đình nộp lại khoản tiền thu lợi bất chính do bán xe mà có và có cha tham gia bảo vệ tổ quốc được tặng huân, huy chương, bị cáo H có ông nội là người có công với cách mạng được thưởng danh hiệu anh hùng lực lượng vũ trang là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội ngày 19/10/2015 khi chưa thành niên (bị cáo mới 16 tuổi 8 tháng 17 ngày) và khi thực hiện hành vi phạm tội vào tháng 11 năm 2015 bị cáo vẫn chưa đủ 18 tuổi nên cần áp dụng Điều 91, 98 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, để quyết định hình phạt đối với bị cáo. Tại phiên tòa bị cáo D và T thống nhất bồi thường cho người bị hại Nông Văn V nên cần ghi nhận.

Đối với Đào Thị H, Dương Thị Như H khi cho các bị cáo cất giữ xe mô tô biển kiểm soát 93G1-068.43, xe mô tô biển kiểm soát 93M1-113.36 thì H, H không biết đó là xe do các bị cáo phạm tội mà có, Viện kiểm sát không đặt ra vấn đề xử lý trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Trần Văn T, khi mua chiếc xe mô tô biển kiểm soát 93G1-068.43 của D thì anh T không biết đó là xe do D phạm tội mà có, hành vi không cấu thành tội phạm, Viện kiểm sát không đề cập xử lý trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với đối tượng tên L và người đàn ông mua xe mô tô biển kiểm soát 93B1-122.41, quá trình điều tra Cơ quan CSĐT chưa xác định được nhân thân, lai lịch đã tách ra xác minh, làm rõ và xử lý sau, Viện kiểm sát không đề cập xử lý trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nông Văn V yêu cầu bị cáo T, bị cáo D phải bồi thường giá trị xe bị mất không thu hồi được là 14.000.000 đồng các bị cáo đều đồng ý bồi thường nên cần ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo và bị hại Nông Văn V.

Đối với các bị hại: Trần Thị H; Ngô Văn D; Nguyễn Thị Ngọc T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn T, Hoàng Đình K, Lê Văn V vắng mặt mặc dù đã được Toà án tống đạt các văn bản tố tụng triệu tập đến phiên toà nhưng vắng

mặt, Phan Văn N có mặt nhưng không yêu cầu trong vụ án này nên cần tách các yêu cầu của họ để giải quyết bằng vụ án dân sự khi có đơn yêu cầu.

[3] Về xử lý vật chứng:

Đối với: 01 thanh kim loại tròn, hình chữ L, dài 15,5cm; 03 thanh kim loại dài 7,1cm, một đầu có hình lục giác, một đầu dẹp; 01 thanh kim loại dài 7,7cm, một đầu có hình lục giác, một đầu dẹp; 01 đầu tuýp lục giác dài 08mm các bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 59Y1-183.16 bị cáo D khai mua ở Bình Dương từ tiền bán xe cho anh T và tiền chuộc xe của ông Thái Xuân M chưa rõ nguồn gốc nên cơ quan điều tra đã tách ra xác minh xử lý sau nên không xem xét.

Đối với số tiền 1.200.000 đồng gia đình bị cáo Trịnh Đức P nộp là tiền thu lợi bất chính từ việc bị cáo P bán xe mô tô biển kiểm soát 93M1-113.36 của Nông Văn V mà có nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐP, tỉnh Bình Phước tại phiên tòa về phần áp dụng pháp luật, hình phạt, xử lý vật chứng phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận một phần.

Quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo Dương Thị Như H thống nhất với quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát về tội danh, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt dành cho bị cáo H.

Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Thái Ngọc D phạm tội "Trộm cắp tài sản" và "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"

Tuyên bố bị cáo Dương Thị Như H, Đào Thanh T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Tuyên bố bị cáo Nông Thị L phạm tội "Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Tuyên bố bị cáo Trịnh Đức P phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 55, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên phạt bị cáo Thái Ngọc D 3 năm 6 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 55, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên phạt bị cáo Thái Ngọc D 1 năm tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tổng hợp hình phạt của hai tội trên với hình phạt 05 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại bản án số 101/2016/HSST ngày 26/8/2016 của Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước và hình phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại bản án số 109/2016/HSST ngày 29/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 11 năm 06 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày 12/3/2016.

Áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, Điều 91, 98 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên phạt bị cáo Đào Thanh T 1 năm 6 tháng tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 tổng hợp với hình phạt 14 năm 6 tháng tù tại bản án số 119/2016/HSST ngày 07/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 16 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/3/2016 được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 13/3/2015 đến ngày 31/8/2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên phạt bị cáo Dương Thị Như H 2 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/9/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên phạt bị cáo Trịnh Đức P 1 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/9/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 36, Điều 50, Điều 58, Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên phạt bị cáo Nông Thị L 1 năm cải tạo không giam giữ được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/10/2017 đến ngày 26/10/2017 là 24 ngày bằng 02 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ còn lại buộc bị cáo phải chấp hành là 07 tháng 18 ngày, thời gian cải tạo không giam giữ đối với bị cáo được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được bản án và quyết định thi hành án. Giao bị cáo L cho Ủy ban nhân dân xã TT, thị xã ĐXi, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo L do bị cáo đang mang thai.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 585; 587; 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Đào Thanh T và bị cáo Thái Ngọc D phải liên đới bồi thường cho anh NôngVăn V mỗi bị cáo là 7.000.000 đồng.

Tách yêu cầu của các bị hại Trần Thị H; Ngô Văn D; Nguyễn Thị Ngọc T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn T, Hoàng Đình K, Lê Văn V, Phan Văn N để giải quyết bằng vụ án dân sự khi có đơn yêu cầu.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015:

Tịch thu tiêu hủy 01 thanh kim loại tròn, hình chữ L, dài 15,5cm; 03 thanh kim loại dài 7,1cm, một đầu có hình lục giác, một đầu dẹp; 01 thanh kim loại dài 7,7cm, một đầu có hình lục giác, một đầu dẹp; 01 đầu tuýp lục giác dài 08mm các bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội không có giá trị sử dụng.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính là 1.200.000 đồng do gia đình bị cáo Trịnh Đức P giao nộp.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý vf sử dụng án phí vf lệ phí tña án.

Buộc bị cáo Bị cáo Thái Ngọc D, Dương Thị Như H, Đào Thanh T, Nông Thị L, Trịnh Đức P mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm bị cáo Thái Ngọc D, Đào Thanh T, mỗi bị cáo phải chịu 350.000 đồng.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Phước;
- Phòng PV 27 Công an tỉnh Bình Phước;
- TTLLTP- Sở TP tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Đồng Phú;
- THADS huyện Đồng Phú;
- CA huyện Đồng Phú (03 bản);
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Đức Hùng